

Bản án số: 77/2019/HNGĐ-ST

Ngày 11-11-2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Phát

2. Bà Nguyễn Thị Liễu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 487/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22-10-2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1976; Địa chỉ cư trú: Số 25Y/33A, Quốc lộ 1X cũ, Khu phố X, phường HBP, quận TD, Thành phố HCM. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành M, sinh năm 1970; HKTT: A4/9, Khu phố X, Phường Y, thành phố TN, tỉnh TN; Địa chỉ cư trú: Số 2X, hẻm 1Y, Đường NVR, Khu phố X, Phường Y, thành phố TN, tỉnh TN. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 09-8-2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Thành M chung sống vợ chồng từ năm 1996, đến ngày 20-11-2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Y, thị xã TN (thành phố TN), tỉnh TN. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, tính tính không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau, về kinh tế ông M không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà T yêu cầu được ly hôn với ông M.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 22-9-1997 và Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 15-7-2005. Cháu Đ đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà T yêu cầu được nuôi cháu T theo nguyện vọng của cháu, bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cam đoan không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ông Nguyễn Thành M được được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T đối với ông M; Về con chung: Cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 22-9-1997 đã trưởng thành, ghi nhận bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết; giao cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 15-7-2005 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông M không có ý kiến, yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Ngọc T có yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông Nguyễn Thành M cư trú tại Phường Y, thành phố TN, tỉnh TN

nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN theo Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Ông Nguyễn Thành M đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông M là phù hợp theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Thành M chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Y, thị xã TN (thành phố TN), tỉnh TN vào ngày 20-11-2002 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà T đối với Ông M: Bà T trình bày do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau, về kinh tế ông M không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu và vợ chồng ông bà đã ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Ông M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không gửi văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và cũng không có biểu hiện, động thái tích cực nào để hàn gắn, đoàn tụ mối quan hệ vợ chồng. Như vậy, giữa bà T và ông M đã có phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã ly thân từ năm 2011 cho đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông M không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T đối với ông M.

[3] Về con chung: Bà T, ông M có 02 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 22-9-1997 và Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 15-7-2005. Cháu Đ đã trưởng thành, ghi nhận bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà T có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T. Xét thấy yêu cầu của bà T phù hợp với nguyện vọng của cháu T nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông M có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại các Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông M không có ý kiến, yêu cầu gì về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng; ông M không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của bà Nguyễn Ngọc T đối với ông Nguyễn Thành M.

2. Về con chung: Cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 22-9-1997 đã trưởng thành, ghi nhận bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 15-7-2005 cho bà T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Ông M có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0007382 ngày 09-8-2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh TN. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- CCTHATPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Đặng Thị Ngọc Dung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tấn Phát

Nguyễn Thị Liễu

Đặng Thị Ngọc Dung

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- CCTHATPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Dung